

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH HÀ NAM**

Bản án số: 14/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 15/10/2019
V/v: “Ly hôn, nuôi con chung
khi ly hôn”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Trần Anh Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Ngọc Sơn và ông Nguyễn Huy Sự.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Giang Yên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quyên – Kiểm sát viên.

Trong ngày 15/10/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 68/2019/TLST - HNGĐ ngày 05/8/2019 về việc “Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/9/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2019/QĐST – HNGĐ ngày 27/9/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lã Thị Lan P, sinh năm 1993; nơi đăng ký HKTT: Thôn A, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam; nơi cư trú: Số xxx đường T, thành phố N, tỉnh N. (Có mặt)

2. Bị đơn: Anh Phan Đăng T, sinh năm 1987; nơi đăng ký HKTT và nơi cư trú: Thôn A, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Tại đơn khởi kiện đề ngày 30/7/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lã Thị Lan P trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phan Đăng T tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 03/01/2017 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống tại quê chồng đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do sau khi chị sinh con thì giữa chị và mẹ chồng mâu thuẫn trong việc chăm sóc con; chị nói chuyện với chồng thì anh T

nghe lời mẹ mắng chị. Mâu thuẫn ngày càng căng thẳng, đến tháng 05/2018 chị xin phép về nhà mẹ đẻ ở thành phố N sống thì vợ chồng tiếp tục mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng ngày một lạnh nhạt; từ cuối năm 2018 đến nay vợ chồng không còn gặp gỡ nói chuyện với nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

- Về quan hệ con chung: Chị xác định vợ chồng có một con chung là cháu Phan Thị Phương T, sinh ngày 30/3/2018; hiện đang ở với chị tại nhà bố mẹ chị. Khi ly hôn, chị đề nghị được tiếp tục nuôi cháu T và không đề nghị anh T phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

- Về tài sản riêng của mỗi người, tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Phan Đăng T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh tự nguyện đăng ký kết hôn với chị Lã Thị Lan P vào ngày 03/01/2017 tại Ủy ban nhân dân xã A. Vợ chồng chung sống đến giữa năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do sau khi sinh con chị P có xin mang con về nhà ngoại ở một thời gian; anh đồng ý. Tuy nhiên sau đó khi anh vào thăm vợ con thì bố mẹ vợ gây khó khăn không cho anh gặp. Anh nói chuyện đề chị P về nhà chồng ở thì chị P không nhất trí sau đó cố tình lảng tránh không gặp anh. Anh cố gắng để tìm hiểu và hàn gắn tình cảm nhưng chị P vẫn không thay đổi từ đó anh sinh chán nản không còn tìm gặp chị P nữa; vợ chồng sống ly thân từ tháng 5/2018 đến nay. Nay chị P kiện xin ly hôn; anh không nhất trí vì lý do chị P đưa ra không chính đáng. Anh rất muốn nói chuyện với chị P để giải quyết mâu thuẫn nhưng chị P không nói chuyện với anh nên không có cách nào để vợ chồng tự hòa giải.

- Về quan hệ con chung: Anh T xác định vợ chồng có một con chung là cháu Phan Thị Phương T, sinh ngày 30/3/2018; hiện đang ở với chị P tại nhà ông bà ngoại. Khi ly hôn anh nhất trí để chị P tiếp tục nuôi cháu T vì cháu dưới 36 tháng tuổi. Anh không cấp dưỡng nuôi cháu T cùng chị P vì chị P cố tình không về chung sống cùng anh, đơn phương xin ly hôn. Sau này việc cấp dưỡng nuôi con sẽ do anh tự quyết định.

- Về tài sản riêng của mỗi người, tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa, chị P giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

[3] Tại phiên tòa, đại diện VKSND huyện B có quan điểm:

* Về tố tụng, TAND huyện Bình Lục thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; quá trình giải quyết vụ án tại tòa và xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư

ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

* Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án;

- Xử cho chị Lã Thị Lan P ly hôn anh Phan Đăng T.

- Về con chung: Giao cháu Phan Thị Phương T, sinh ngày 30/3/2018 cho chị Lã Thị Lan P nuôi dưỡng. Anh Phan Đăng T không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi cháu T cho chị P.

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị P phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

I. Về tố tụng: Hội đồng xét xử thấy đây là vụ án hôn nhân và gia đình về ly hôn và nuôi con chung khi ly hôn; bị đơn có địa chỉ cư trú tại thôn A, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam do vậy Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

II. Về giải quyết vụ án:

[1] Về hôn nhân: Chị Lã Thị Lan P và anh Phan Đăng T tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 03/01/2017 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống đến đầu năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không thống nhất được trong việc chăm sóc con, không biết bảo ban động viên, chia sẻ khó khăn cùng nhau. Khi xảy ra mâu thuẫn thì luôn luôn giữ phần đúng cho mình mà không biết nhường nhịn. Bên cạnh đó việc hai người cũng chịu sự tác động của gia đình làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày một căng thẳng. Trên thực tế anh chị chấm dứt quan hệ vợ chồng, sống ly thân từ tháng 5/2018, đến nay không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau.

Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị P và anh T xảy ra đã lâu; mặc dù anh T không đồng ý ly hôn nhưng cũng không có việc làm để hàn gắn tình cảm, khắc phục mâu thuẫn. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T không chấp hành các quy định của pháp luật tố tụng dân sự gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Khi Tòa án và chính quyền xã An Ninh tổ chức hòa giải thì giữa hai người lại xảy ra cãi vã và đổ lỗi cho nhau về việc ly hôn, không có thiện chí hòa giải đoàn tụ. Khi xét xử, anh T vắng mặt do vậy Hội đồng xét xử

thấy khả năng vợ chồng chị P, anh T đoàn tụ không còn, xử cho chị P ly hôn anh T là phù hợp với thực tế, đúng quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung, chị Lã Thị Lan P và anh Phan Đăng T có một con chung là cháu Phan Thị Phương T, sinh ngày 30/3/2018; hiện đang ở với chị P tại nhà bố mẹ đẻ chị P. Xét đề nghị của chị P và anh T để chị P tiếp tục nuôi cháu T vì cháu dưới 36 tháng tuổi và anh T không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cùng chị P là tự nguyện, phù hợp với thực tế và đúng quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình do đó Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị này của chị P và anh T.

[3] Về tài sản riêng của mỗi người, tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Do chị P, anh T tự nguyện không đề nghị Tòa án giải quyết do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Lã Thị Lan P phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án;

1. Xử cho chị Lã Thị Lan P ly hôn anh Phan Đăng T.

2. Về con chung: Chấp nhận đề nghị của chị Lã Thị Lan P, anh Phan Đăng T; giao cháu Phan Thị Phương T, sinh ngày 30/3/2018 cho chị P nuôi dưỡng. Anh T không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi cháu T cho chị P. Chị P và các thành viên gia đình không được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T.

3. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Lã Thị Lan P phải chịu 300.000 đồng.

Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm mà chị Lã Thị Lan P đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B theo biên lai số AA/2015/0002448 ngày 05/8/2019 thành án phí ly hôn sơ thẩm mà chị P phải chịu. Chị P đã thi hành xong án phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho chị P được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo cho anh T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
Đặng Trần Anh Dũng
(Đã ký)